



# Chính sách Thuế mới của Mỹ & ảnh hưởng đến Việt Nam

April 04, 2025

Thông điệp đằng sau quyết định áp thuế của Mỹ  
Chiến lược “Duy ngã Độc tôn”  
và chọn lọc Đồng minh gắt gao hơn!

Trước đây,  
"Mỹ và đồng minh, đối tác kiểm soát thế giới".

Giờ đây đã chuyển thành  
"Mỹ trước tiên; Miếng bánh béo bở nhất,  
ngon nhất, quan trọng nhất là của Mỹ,  
đồng minh và đối tác được Mỹ chọn lọc kỹ càng hơn,  
với luật chơi không cho phép đối tác lợi dụng Mỹ



## **Các mục tiêu của Mỹ**

1. Cân bằng cán cân thương mại, giảm thiểu thâm hụt thương mại
2. Chuyển các nhà máy sản xuất, ngành công nghiệp giá trị cao về Mỹ
3. Tạo công ăn việc làm trong ngành công nghiệp, sản xuất chế tạo
4. Đảm bảo an ninh quốc gia của Mỹ, đặc biệt khi có xung đột xảy ra [khi đó ngành công nghiệp Mỹ có thể được huy động cho sản xuất phục vụ chiến tranh]

## **Trên hết, đảm bảo vị thế thống trị của Mỹ trên toàn cầu**

1. Thiết lập lại luật chơi mà các đồng minh, đối tác phải tuân theo, không còn “lợi dụng” Mỹ được nữa, mà phải “công bằng”
2. Mỹ nắm chắc các ngành nghề, các chuỗi giá trị quan trọng nhất để đảm bảo vị thế thống trị, làm suy yếu nghiêm trọng & loại bỏ các đối thủ

## Các chuỗi giá trị quan trọng nhất mà Mỹ muốn nắm chắc nhằm đảm bảo vị thế thống trị, làm suy yếu nghiêm trọng & loại bỏ đối thủ

1. US Dollar
2. Dầu khí, năng lượng nói chung
3. Ô tô → sắt, thép, kim loại màu, pin xe điện, đất hiếm ...
4. Chip, công nghệ liên quan sản xuất chip tiên tiến
5. Trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, khoa học dữ liệu ...
6. Dược, công nghệ sinh hóa, công nghệ không gian, công nghệ đáy đại dương
7. Các chuỗi giá trị quan trọng khác ...

Với các chuỗi giá trị & chuỗi cung ứng có giá trị gia tăng thấp → vẫn cần các nước “đối tác” tham gia sản xuất & cung ứng → Mỹ tạo luật chơi mới (thuế quan ++) để tập hợp & thưởng phạt các đối tác phù hợp; trừng phạt các quốc gia mà Mỹ nghĩ là đang “lợi dụng” hoặc thương mại không “công bằng” với Mỹ.

# Thâm hụt cán cân thương mại Mỹ: Nhà máy đóng cửa, thất nghiệp gia tăng

Theo Cục Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ (BEA),  
thâm hụt thương mại hàng hóa của Mỹ năm  
2024 đạt mức kỷ lục **1,2 nghìn tỷ USD**

## Tại Mỹ:



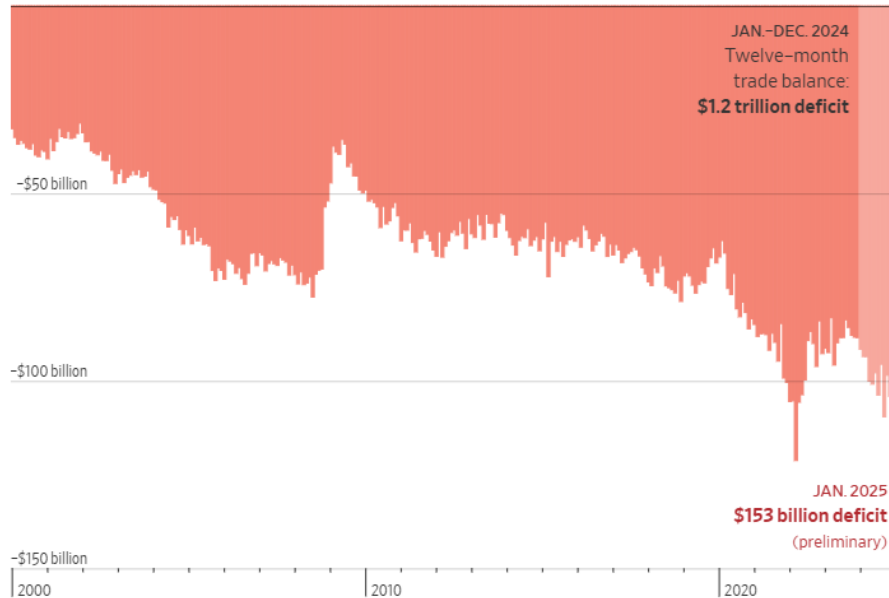
Hơn **90.000** nhà máy đóng cửa  
kể từ năm 1997 đến nay



Lực lượng lao động sản xuất giảm hơn  
**6,6 triệu** việc làm, giảm hơn  $\frac{1}{3}$   
so với mức đỉnh điểm

Ghi chú: Mỗi việc làm (sản xuất) tạo ra 4 việc làm  
trong mảng dịch vụ!

Monthly balance of U.S. trade in goods



Source: [The Wall Street Journal](https://www.wsj.com)

# Nợ công & Chi tiêu chính phủ Mỹ: Gánh nặng ngày càng lớn

## 1. Nợ công liên bang (tính đến tháng 01/2025)

- Tổng nợ: **35,8 nghìn tỷ USD**
- Tỷ lệ nợ / GDP: 127,9%
- Bình quân nợ mỗi công dân Mỹ: ~ 107.500 USD

## 2. Chi tiêu chính phủ (FY 2024)

**6,75 nghìn tỷ USD**

## 3. Khoản thu của chính phủ (FY 2024):

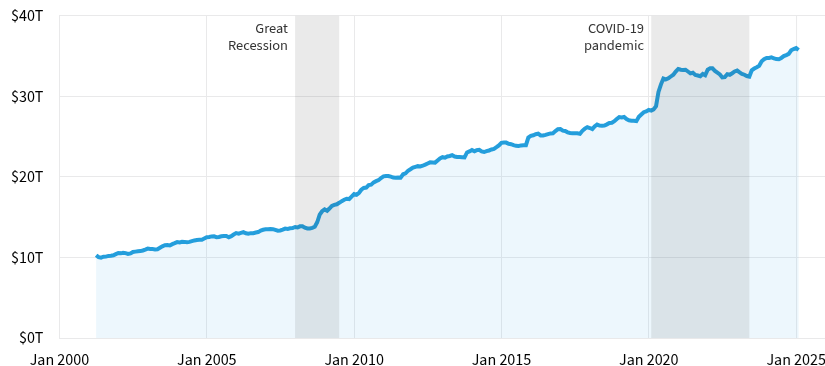
**4,92 nghìn tỷ USD**



Thâm hụt ngân sách:  
**1,83 nghìn tỷ USD**

**In January 2025, total debt owed by the government was \$35.8 trillion.**

Total monthly federal debt outstanding, adjusted for inflation (January 2025 dollars)



Source: US Department of the Treasury

USA FACTS

Source:

- <https://usafacts.org/answers/how-much-debt-does-the-us-have/country/united-states/>
- <https://fiscaldata.treasury.gov/americas-finance-guide/government-revenue/>

| Country        | US Trade Deficit 2024 | US Imports from 2024 | US Exports to 2024 | US Total Trade 2024 |
|----------------|-----------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
| China          | \$270,4B              | \$401,4B             | \$131,0B           | \$532,4B            |
| European Union | \$272,9B              | \$477,6B             | \$204,8B           | \$682,6B            |
| Mexico         | \$157,2B              | \$466,6B             | \$309,4B           | \$776,0B            |
| Vietnam        | \$113,1B              | \$124,8B             | \$11,7B            | \$136,5B            |
| Taiwan         | \$67,4B               | \$106,2B             | \$38,7B            | \$144,9B            |
| Japan          | \$62,6B               | \$135,8B             | \$73,2B            | \$208,9B            |
| Canada         | \$54,8B               | \$377,2B             | \$322,4B           | \$699,6B            |
| India          | \$41,5B               | \$80,1B              | \$38,6B            | \$118,8B            |
| South Korea    | \$60,2B               | \$120,5B             | \$60,3B            | \$180,8B            |
| Thailand       | \$41,5B               | \$57,7B              | \$16,2B            | \$73,9B             |
| Switzerland    | \$25,5B               | \$49,2B              | \$23,8B            | \$73,0B             |
| Indonesia      | \$16,4B               | \$25,6B              | \$9,2B             | \$34,8B             |
| Malaysia       | \$22,1B               | \$47,7B              | \$25,5B            | \$73,2B             |
| Cambodia       | \$11,4B               | \$11,7B              | \$294,6M           | \$12,0B             |
| United Kingdom | \$-10,3B              | \$62,1B              | \$72,4B            | \$134,6B            |
| South Africa   | \$7,9B                | \$13,2B              | \$5,3B             | \$18,5B             |
| Brazil         | \$-6,8B               | \$38,5B              | \$45,4B            | \$83,9B             |
| Bangladesh     | \$5,7B                | \$7,7B               | \$2,1B             | \$9,8B              |
| Singapore      | \$-2,8B               | \$39,6B              | \$42,4B            | \$82,0B             |
| Israel         | \$6,7B                | \$20,2B              | \$13,5B            | \$33,7B             |
| Philippines    | \$4,4B                | \$12,9B              | \$8,5B             | \$21,4B             |
| Chile          | \$-1,6B               | \$15,1B              | \$16,7B            | \$31,8B             |
| Australia      | \$-17,5B              | \$14,3B              | \$31,9B            | \$46,2B             |
| Pakistan       | \$2,7B                | \$4,7B               | \$1,9B             | \$6,6B              |
| Turkey         | \$1,9B                | \$15,4B              | \$13,5B            | \$28,9B             |
| Sri Lanka      | \$2,5B                | \$2,8B               | \$337,3M           | \$3,1B              |
| Colombia       | \$-1,0B               | \$16,2B              | \$17,2B            | \$33,5B             |

| Country        | Tariffs Charged to the U.S.A.<br><small>Including Currency Manipulation<br/>and Trade Barriers</small> | U.S.A. Discounted<br>Reciprocal Tariffs | Thuế hiện hành | Tổng thuế |
|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|-----------|
| China          | 67%                                                                                                    | 34%                                     | 20%            | 54%       |
| European Union | 39%                                                                                                    | 20%                                     |                | 20%       |
| Mexico         |                                                                                                        |                                         | 25%            | 25%       |
| Vietnam        | 90%                                                                                                    | 46%                                     |                | 46%       |
| Taiwan         | 64%                                                                                                    | 32%                                     |                | 32%       |
| Japan          | 46%                                                                                                    | 24%                                     |                | 24%       |
| Canada         |                                                                                                        |                                         | 25%            | 25%       |
| India          | 52%                                                                                                    | 26%                                     |                | 26%       |
| South Korea    | 50%                                                                                                    | 25%                                     |                | 25%       |
| Thailand       | 72%                                                                                                    | 36%                                     |                | 36%       |
| Switzerland    | 61%                                                                                                    | 31%                                     |                | 31%       |
| Indonesia      | 64%                                                                                                    | 32%                                     |                | 24%       |
| Malaysia       | 47%                                                                                                    | 24%                                     |                | 24%       |
| Cambodia       | 97%                                                                                                    | 49%                                     |                | 49%       |
| United Kingdom | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |
| South Africa   | 60%                                                                                                    | 30%                                     |                | 30%       |
| Brazil         | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |
| Bangladesh     | 74%                                                                                                    | 37%                                     |                | 37%       |
| Singapore      | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |
| Israel         | 33%                                                                                                    | 17%                                     |                | 17%       |
| Philippines    | 34%                                                                                                    | 17%                                     |                | 17%       |
| Chile          | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |
| Australia      | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |
| Pakistan       | 58%                                                                                                    | 29%                                     |                | 29%       |
| Turkey         | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 14%       |
| Sri Lanka      | 88%                                                                                                    | 44%                                     |                | 44%       |
| Colombia       | 10%                                                                                                    | 10%                                     |                | 10%       |

# Mỹ tính thuế đối ứng như thế nào?

Công thức tính:

$$\text{Thuế đối ứng của Mỹ} \approx \frac{1}{2} \times \left( \frac{\text{Thâm hụt thương mại của Mỹ}}{\text{Giá trị xuất khẩu sang Mỹ}} \right)$$

$$\text{Reciprocal Tariff} \approx \frac{1}{2} \times \left( \frac{\text{U.S. Trade Deficit}}{\text{That Country's Exports to the U.S.}} \right)$$

Ví dụ:

## Việt Nam

- Xuất khẩu sang Mỹ: **136,6 tỷ USD**
- Nhập khẩu từ Mỹ: **13,1 tỷ USD**
- Thâm hụt: **123,5 tỷ USD**

$$\text{Thuế đối ứng của Mỹ} \approx \frac{1}{2} \times \left( \frac{123,5}{136,6} \right) \approx 46\%$$

## Trung Quốc

- Xuất khẩu sang Mỹ: **418 tỷ USD**
- Nhập khẩu từ Mỹ: **139 tỷ USD**
- Thâm hụt: **279 tỷ USD**

$$\text{Thuế đối ứng của Mỹ} \approx \frac{1}{2} \times \left( \frac{279}{418} \right) \approx 34\%$$

# Những nhóm ngành tại Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ bởi chính sách thuế đối ứng của Mỹ

Source:

- <https://vneconomy.vn/nhung-nhom-hang-xuat-khau-chu-luc-nao-cua-viet-nam-bi-anh-huong-boi-thue-doi-ung.htm>
- <https://vneconomy.vn/goc-nhin-chuyen-gia-muc-ap-thue-46-cua-my-gay-nhieu-thach-thuc-nhung-cung-la-co-hoi-chuyen-minh-cua-nen-kinh-te-viet-nam.htm>



| STT | Ngành xuất khẩu                  | Chi tiết mặt hàng                                                                         | Số lượng doanh nghiệp trong ngành                                                                                                                                                                              | Giá trị XK sang Mỹ (2024) (*) | % trong tổng xuất khẩu sang Mỹ | Tác động từ thuế quan 46%                                                                                                                  | Ngành trong chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                |
|-----|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Máy vi tính, sản phẩm điện tử    | Máy tính xách tay, bảng mạch điện tử, bộ vi xử lý, thiết bị lưu trữ dữ liệu, mô-đun xử lý | <a href="#">4.500 DN</a> sản xuất sản phẩm phần cứng [Số liệu 2024]                                                                                                                                            | ~23,2 tỷ USD                  | 19,4%                          | Tăng chi phí, giảm sức cạnh tranh, dịch chuyển sản xuất                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành sản xuất linh kiện điện tử (<a href="#">~858 DN</a>)</li><li>Ngành gia công, lắp ráp thiết bị điện tử</li></ul>                                                                            |
| 2   | Máy móc, thiết bị, dụng cụ       | Dụng cụ xây dựng, tấm pin năng lượng mặt trời, bộ điều khiển máy móc, bộ biến tần         | <ul style="list-style-type: none"><li><a href="#">30.000 DN</a> cơ khí [Số liệu 2022]</li><li><a href="#">3.100 DN</a> ngành cơ khí chế tạo với <a href="#">53.000</a> cơ sở sản xuất [Số liệu 2024]</li></ul> | ~22,1 tỷ USD                  | 18,5%                          | Giá tăng, mất thị phần do biên lợi nhuận thấp, và doanh nghiệp FDI có thể rời đi nếu không thể duy trì chi phí sản xuất cạnh tranh         | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành sản xuất vật liệu và linh kiện phụ tùng (<a href="#">~2.000 DN</a>)</li><li>Ngành sản xuất máy móc, thiết bị (<a href="#">~2.200 DN</a>)</li></ul>                                         |
| 3   | Hàng dệt, may                    | Áo len, quần jeans, áo sơ mi, áo khoác, áo ghi lê, túi xách, ba lô                        | <a href="#">Khoảng 7.000 DN</a> [Số liệu 2025]                                                                                                                                                                 | ~16,2 tỷ USD                  | 13,5%                          | Mất lợi thế cạnh tranh, dịch chuyển FDI, giảm đơn hàng từ Mỹ, với các công ty lớn sẽ gặp khó khăn do doanh thu phụ thuộc vào thị trường Mỹ | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành sản xuất xơ sợi và vải</li><li>Ngành sản xuất phụ kiện và nguyên liệu phụ trợ</li><li>Ngành logistics và vận tải (<a href="#">~3.500 DN</a>)</li></ul>                                     |
| 4   | Điện thoại các loại và linh kiện | Điện thoại thông minh, linh kiện và phụ kiện điện thoại                                   | Không có số liệu chính thức                                                                                                                                                                                    | ~9,8 tỷ USD                   | 8,2%                           | Dễ dịch chuyển sản xuất ra khỏi Việt Nam nếu không thể duy trì lợi thế về chi phí và giá                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành sản xuất linh kiện điện tử (<a href="#">~5.000 DN</a>)</li><li>Ngành vận tải và logistics (<a href="#">~3.500 DN</a>)</li><li>Ngành sản xuất bao bì (<a href="#">~14.000 DN</a>)</li></ul> |

(\*) <https://vneconomy.vn/goc-nhin-chuyen-gia-muc-ap-thue-46-cua-my-gay-nhieu-thach-thuc-nhung-cung-la-co-hoi-chuyen-minh-cua-nen-kinh-te-viet-nam.htm>

| STT | Ngành xuất khẩu     | Chi tiết mặt hàng                                          | Số lượng doanh nghiệp trong ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Giá trị XK sang Mỹ (2024) (*) | % trong tổng xuất khẩu sang Mỹ | Tác động từ thuế quan 46%                                                                                    | Ngành trong chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5   | Gỗ và sản phẩm gỗ   | Đồ nội thất bằng gỗ, phụ kiện, đồ chơi trẻ em, viên nén gỗ | Có <u>khoảng 6.000 DN</u> sản xuất, chế biến gỗ [Số liệu 2024]                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ~9,1 tỷ USD                   | 7,6%                           | Chịu áp lực thuế, giảm lợi thế về giá, mất thị phần tại Mỹ                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngành công nghiệp gỗ và nội thất (<b>~5.000 DN</b>)</li> <li>Ngành vận tải và logistics (<b>~3.500 DN</b>)</li> <li>Ngành sản xuất bao bì (<b>~14.000 DN</b>)</li> </ul>                                                                         |
| 6   | Giày dép các loại   | Giày thể thao, giày sneaker, giày da, giày boots           | Có <u>trên 1.700 DN</u> da, giày tại Việt Nam [Số liệu 2021]                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ~8,3 tỷ USD                   | 6,9%                           | Mất thị phần và gặp khó khăn trong cạnh tranh nếu không điều chỉnh chi phí hoặc tìm kiếm thị trường thay thế | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngành sản xuất và phân phối nguyên liệu (cao su, da, vải tổng hợp, keo dán,...)</li> <li>Ngành sản xuất phụ kiện giày dép (đế giày, lót giày, dây giày,...) (<b>~129 DN</b>)</li> <li>Ngành vận tải và logistics (<b>~3.500 DN</b>)</li> </ul>   |
| 7   | Phương tiện vận tải | Ô tô nguyên chiếc, linh kiện ô tô, động cơ, xe tải         | Có tổng <u>377 DN</u> sản xuất có liên quan tới ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ~3,3 tỷ USD                   | 2,7%                           | Mất lợi thế cạnh tranh tại Mỹ do chi phí tăng cao, có thể dịch chuyển sản xuất ra ngoài Việt Nam             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngành vận tải và logistics (<b>~3.500 DN</b>)</li> <li>Ngành sản xuất và lắp ráp ô tô (<b>~350 DN</b>)</li> <li>Ngành sản xuất phụ tùng, linh kiện ô tô (<b>~2.000 DN</b>)</li> </ul>                                                            |
| 8   | Hàng thủy sản       | Cá tra, tôm, tôm sú, mực                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có <u>280 DN</u> hoạt động chính thức trong ngành Thủy sản (2/3 là DN vừa và nhỏ)</li> <li>Khoảng <u>800 DN</u> xuất khẩu</li> <li><u>840</u> cơ sở chế biến thủy sản</li> </ul>                                                                                                                                                | ~1,8 tỷ USD                   | 1,5%                           | Chịu áp lực thuế và mất thị phần tại Mỹ nếu không cải thiện chi phí và cạnh tranh                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngành kinh doanh thức ăn &amp; thuốc thủy sản (<b>~12.000 DN</b>)</li> <li>Ngành chế biến thủy sản đóng hộp (<b>140 DN</b>)</li> <li>Ngành vận tải và logistics (<b>~3.500 DN</b>)</li> <li>Ngành sản xuất bao bì (<b>~14.000 DN</b>)</li> </ul> |
| 9   | Các mặt hàng khác   | Hạt điều, cà phê, thép và nhôm                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khoảng <u>200 DN</u> chế biến hồ tiêu</li> <li>Khoảng <u>165 cơ sở</u> chế biến cà phê rang xay và <u>19 nhà máy</u> sản xuất cà phê hòa tan</li> <li>Khoảng <u>320 DN</u> chế biến và xuất khẩu hạt điều và <u>2.793 cơ sở chế biến</u></li> <li>Ngành thép có trên <u>64 DN</u> sản xuất theo xây dựng và thép tấm</li> </ul> | ~26,3 tỷ USD                  | 21,7%                          | Tăng chi phí và giảm sức cạnh tranh, mất thị phần buộc các doanh nghiệp phải tìm thị trường thay thế         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngành chế biến nông sản xuất khẩu (<b>~7.500 DN</b>)</li> <li>Ngành sản xuất bao bì (<b>~14.000 DN</b>)</li> <li>Ngành vận tải và logistics (<b>~3.500 DN</b>)</li> </ul>                                                                        |

(\*) <https://vneconomy.vn/goc-nhin-chuyen-gia-muc-ap-thue-46-cua-my-gay-nhieu-thach-thuc-nhung-cung-la-co-hoi-chuyen-minh-cua-nen-kinh-te-viet-nam.htm>

# Việt Nam đàm phán thế nào với Mỹ?

Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Việt Nam cần đàm phán:

**Giảm thuế và tăng nhập khẩu hàng Mỹ**  
để thể hiện thiện chí trong cải thiện  
cán cân thương mại giữa Việt Nam & Mỹ?



**Liệu Mỹ có  
giảm mức thuế đối ứng  
đối với Việt Nam?**



2025 (US) National Trade Estimate Report on

# FOREIGN TRADE BARRIERS

Các căn cứ của Mỹ để xác định mức thuế với Việt Nam

Source: <https://ustr.gov/sites/default/files/files/Press/Reports/2025NTE.pdf>

## HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

### Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư Hoa Kỳ – Việt Nam

- **Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư Hoa Kỳ – Việt Nam (TIFA):** Ký kết vào tháng 6 năm 2007, là cơ chế chính cho các cuộc thảo luận về vấn đề thương mại và đầu tư giữa Mỹ và Việt Nam
- **Hiệp định Thương mại Song phương Hoa Kỳ–Việt Nam:** Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2001

## CHÍNH SÁCH NHẬP KHẨU

### Thuế quan và Thuế

- **Thuế quan:**
  - Mức thuế MFN trung bình của Việt Nam là **9.4%** (2023)
  - Thuế MFN cho sản phẩm nông sản: **17.1%**, cho sản phẩm không phải nông sản: **8.1%** (2023)
  - 100% dòng thuế đã được cam kết tại WTO, với mức thuế WTO trung bình là **11.7%**
  - Việt Nam áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với muối, trứng và đường
  - Sản phẩm thực phẩm tiêu dùng và nông sản từ Mỹ vẫn chịu mức thuế cao hơn
- **Thuế:** Luật 106/2016/QH13 tăng cơ sở tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu nhập khẩu từ giá nhập khẩu lên giá bán của nhà nhập khẩu

## **RÀO CẢN PHI THUẾ QUAN**

### **Cấm và hạn chế nhập khẩu**

- Việt Nam cấm nhập khẩu một số sản phẩm đồ chơi trẻ em nhất định, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, phụ tùng xe cũ, động cơ đốt trong dưới 30 mã lực, thiết bị mã hóa và phần mềm mã hóa, thiết bị y tế đã qua sử dụng, một số sản phẩm văn hóa
- **Hạn chế đối với IT cũ:** Quyết định 18/2016/QĐ-TTg giảm bớt cấm nhập khẩu một số sản phẩm IT cũ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật

### **Rào cản hải quan và tạo thuận lợi cho thương mại**

- Một số nhà xuất khẩu Mỹ gặp khó khăn trong việc giải phóng hàng hóa khỏi sự kiểm soát của hải quan khi các vấn đề về thuế và phí chưa được giải quyết
- Việt Nam đã thực hiện Điều khoản Tạo thuận lợi thương mại của WTO về việc tách biệt việc giải phóng hàng hóa khỏi việc tính toán số tiền thuế và phí phải trả từ năm 2022

## **Yêu cầu đăng ký sản phẩm – Dược phẩm nhập khẩu**

- Nghị định 54/2017/NĐ-CP cho phép các công ty dược phẩm nước ngoài thành lập đơn vị nhập khẩu, nhưng vẫn còn lo ngại về yêu cầu kho bãi, phân phối và cấp phép
- Thông tư 08/2022/TT-BYT (có hiệu lực từ 20/10/2022) quy định đăng ký thuốc và yêu cầu về nội dung Chứng chỉ Sản phẩm Dược phẩm (CPP), nhưng yêu cầu xác thực CPP điện tử qua cơ quan ngoại giao của Việt Nam gây khó khăn
- Giới hạn sửa đổi hồ sơ: Các công ty có thể sửa hồ sơ đăng ký tối đa 3 lần, nếu không hồ sơ bị từ chối
- Nghị quyết 80/2023/QH15 cho phép gia hạn các giấy phép tiếp thị thuốc hết hạn đến 31/12/2024 nếu đáp ứng yêu cầu nhất định
- Luật sửa đổi 44/2024/QH15 và Thông tư 55/2024/TT-BYT cho phép sử dụng giấy phép tiếp thị đã hết hạn sau khi nộp đơn gia hạn, cho đến khi có thông báo mới

## **Thiết bị y tế**

- Nghị định 4/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ tháng 1/2025) cho phép gia hạn tự động giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế đến 30/6/2025
- Chính phủ đang soạn thảo dự thảo thay thế các nghị định hiện hành, dự kiến sẽ được trình Quốc hội vào năm 2025

## **Ethanol**

Việt Nam chỉ cho phép pha trộn 5% ethanol vào một loại xăng, trong khi Mỹ đề nghị mở rộng pha trộn ethanol vào tất cả các loại xăng và giảm thuế nhập khẩu ethanol để phù hợp với các phụ gia nhiên liệu khác.

## **RÀO CẢN KỸ THUẬT**

### **Yêu cầu nhãn mác**

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP (có hiệu lực từ 15/2/2022) yêu cầu hàng hóa nhập khẩu phải có nhãn do thương nhân gắn
- Cập nhật yêu cầu thông tin nhãn mác chi tiết hơn và có yêu cầu riêng biệt cho từng loại sản phẩm
- Các nhà nhập khẩu gặp khó khăn do sự không nhất quán trong phân loại sản phẩm và các yêu cầu nhãn mác phức tạp

### **Yêu cầu kiểm tra trong nước đối với sản phẩm CNTT-TT**

- Từ năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông (MIC) yêu cầu kiểm tra trong nước đối với các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT), thay vì chấp nhận báo cáo thử nghiệm quốc tế
- Điều này tạo rào cản thương mại, đặc biệt khi năng lực kiểm tra trong nước còn hạn chế
- Lo ngại từ ngành công nghiệp Mỹ về tác động thương mại, thời gian chuyển đổi ngắn và thiếu quy định miễn trừ đối với hàng hóa đã được bán ở Việt Nam

## **RÀO CẢN VỆ SINH VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

### **Phê duyệt sản phẩm biến đổi gen**

- Việt Nam đã tiếp nhận lại các đơn đăng ký sản phẩm biến đổi gen từ năm 2023 và bắt đầu xem xét 7 đơn đăng ký mới vào tháng 5/2024, bao gồm ngô, đậu nành, canola và bông
- Việt Nam là thị trường quan trọng cho việc phê duyệt sản phẩm biến đổi gen và tiếp tục nhập khẩu sản phẩm công nghệ sinh học

### **Nhập khẩu theo Luật An toàn Thực phẩm**

- Nghị định 15/2018/ND-CP yêu cầu khai báo tự nguyện, ghi nhãn, kiểm tra nhập khẩu và đăng ký cho sản phẩm thực phẩm từ thực vật và động vật xuất khẩu vào Việt Nam
- Các bộ ngành, đặc biệt là MARD và Bộ Y tế (MOH), có những giải thích khác nhau về khái niệm "sản phẩm chế biến", gây ra sự không rõ ràng trong quá trình thực thi
- Việt Nam đã rút lại dự thảo nghị định sửa đổi vào tháng 7/2024 để tiếp tục tham vấn

### **Cấm nhập khẩu sản phẩm nội tạng**

- Mặc dù MARD đã dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu "nội tạng trắng" (gà mổ, dạ dày và ruột bò, lợn), Việt Nam vẫn chưa phê duyệt các cơ sở mới của Mỹ từ tháng 9/2013
- Mỹ tiếp tục yêu cầu Việt Nam cung cấp cơ sở khoa học để giải thích việc không phê duyệt các cơ sở mới

## **RÀO CẢN VỆ SINH VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

### **Yêu cầu đăng ký cơ sở và kiểm tra đối với sản phẩm thịt và gia cầm**

- Việc phê duyệt cơ sở xuất khẩu thịt và gia cầm của Việt Nam chậm lại trong năm 2024. Các ứng viên phải cung cấp thêm thông tin, bao gồm cả thông tin sở hữu trí tuệ, dẫn đến lo ngại về việc đây là một cuộc kiểm tra gần như toàn diện đối với các cơ sở
- Vào tháng 12/2024, Cục Thú y Việt Nam đã phê duyệt đăng ký 6 cơ sở cho các nhà xuất khẩu thịt và gia cầm của Mỹ
- Việt Nam thực thi Thông tư 4/2024 về kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, nhưng có sự không rõ ràng về các yêu cầu thử nghiệm, cách thức kháng cáo kết quả kiểm tra, yêu cầu thử lại, và cách xử lý sản phẩm dương tính

## **SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

- **Vẫn nằm trong danh sách giám sát 2024:** Việt Nam đã có tiến bộ trong việc tăng cường các cuộc đột kích và thu giữ hàng giả, nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để các vấn đề về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- **Khó khăn trong thực thi:** Nguồn lực hạn chế, tham nhũng và sự phối hợp kém giữa các cơ quan thi hành gây khó khăn trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả
- **Vấn đề với hàng giả và vi phạm bản quyền:**
  - Hàng giả vẫn tiếp tục được bán cả trực tuyến và tại các chợ như Saigon Square (TP.HCM), có tên trong danh sách các thị trường nổi tiếng về hàng giả
  - Việt Nam đã xử lý vụ kiện bản quyền đầu tiên năm 2024, nhưng vẫn dựa nhiều vào các biện pháp hành chính thay vì xử lý hình sự
- **Vấn đề về bảo vệ dữ liệu thử nghiệm:** Mỹ lo ngại về sự thiếu rõ ràng trong việc bảo vệ dữ liệu thử nghiệm và dữ liệu chưa công bố khi xin cấp phép được phẩm

## **RÀO CẢN DỊCH VỤ**

### **Dịch vụ Audiovisual (Truyền hình và Radio)**

- Nghị định 71/2022 yêu cầu các dịch vụ truyền hình và radio OTT phải có sự hiện diện địa phương hoặc hợp tác liên doanh
- Các nền tảng ngoại phải tuân thủ các quy định về kiểm duyệt nội dung, phân loại và xếp hạng phim (theo Thông tư 05/2023/TT-BVHTTDL) và chương trình "phi phim" (theo Thông tư 06/2023/TT-BTTTT)
- Thực thi Nghị định 71 khiến các đối tác Mỹ rút khỏi thị trường Việt Nam

### **Dịch vụ tài chính**

- Nhà đầu tư nước ngoài có thể thành lập công ty con ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc sở hữu cổ phần tại các ngân hàng cổ phần hoặc ngân hàng liên doanh trong nước
- Giới hạn sở hữu cổ phần: 30% cho nhà đầu tư tổ chức, 20% cho nhà đầu tư chiến lược, và 50% cho ngân hàng liên doanh
- Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, có hiệu lực từ 2024, hạ mức sở hữu của cổ đông tổ chức từ 15% xuống 10%

### **Dịch vụ thanh toán điện tử**

- Từ năm 2021, Thông tư 28 yêu cầu các giao dịch thanh toán điện tử bán lẻ phải qua hệ thống NAPAS, một công ty do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sở hữu một phần
- Quy định này không áp dụng cho các giao dịch trực tuyến

## **RÀO CẢN TMĐT VÀ THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT SỐ**

### **Luật an ninh mạng**

Luật An Ninh Mạng (Số 24/2018/QH14) và Nghị định 53/2022/ND-CP yêu cầu các công ty, bao gồm công ty có vốn nước ngoài, lưu trữ dữ liệu người dùng Việt Nam trên máy chủ nội địa và có văn phòng tại Việt Nam. Mặc dù công ty quốc tế có thể miễn trừ, vẫn thiếu rõ ràng về việc thực thi yêu cầu này. Bộ Công an đang soạn thảo nghị định xử phạt vi phạm, nhưng dự thảo chưa được ban hành tính đến cuối 2024.

### **Dịch vụ Internet**

Việt Nam kiểm soát Internet qua các nhà cung cấp dịch vụ nhà nước và chặn các trang web không phù hợp về chính trị, văn hóa. Nghị định 72/2013/ND-CP cấm sử dụng dịch vụ Internet để phản đối chính phủ, yêu cầu lưu trữ dữ liệu và địa phương hóa máy chủ đối với mạng xã hội.

Kể từ 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề xuất thay thế Nghị định 72 và 27, mở rộng quy định về kiểm duyệt nội dung và lưu trữ dữ liệu, bao gồm cả trung tâm dữ liệu và dịch vụ đám mây. Nghị định 147/2024/ND-CP, có hiệu lực từ 25/12/2024, thay thế Nghị định 72 và 27.

### **Quy định về bảo vệ Dữ liệu cá nhân**

Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân (13/2023/ND-CP) của Việt Nam có hiệu lực từ 1/7/2023, nhưng thiếu hướng dẫn rõ ràng và hạn chế dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới. Dự thảo Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân sẽ thay thế nghị định này và được phê duyệt vào 11/2025.

Luật Dữ liệu, được Quốc hội thông qua vào 30/11/2024, yêu cầu báo cáo an ninh quốc gia với dữ liệu chuyển ra ngoài Việt Nam.

### **Giao dịch điện tử**

Luật Giao dịch Điện tử (20/2023/QH15) của Việt Nam có hiệu lực từ 22/6/2023, nhưng chưa rõ ràng về yêu cầu tuân thủ và đăng ký dịch vụ chữ ký điện tử xuyên biên giới. Nghị định 48/2024/ND-CP quy định về chữ ký số, nhưng lĩnh vực tài chính lo ngại vì không công nhận nhà cung cấp dịch vụ quốc tế.

## **RÀO CẢN VỀ ĐẦU TƯ**

Việt Nam hạn chế sở hữu nước ngoài trong một số ngành như ngân hàng, viễn thông, vận tải và năng lượng, với Nghị định 31/2021/ND-CP liệt kê 25 ngành cấm và 58 ngành có điều kiện. Một số dự án cần phê duyệt của Thủ tướng.

Luật Viễn thông sửa đổi (2023) giới hạn sở hữu nước ngoài trong viễn thông truyền thống và mở rộng phạm vi dịch vụ viễn thông, như trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây. Decree No. 163/2024/ND-CP làm rõ nghĩa vụ đối với các nhà cung cấp có sở hữu nước ngoài, bao gồm bảo mật và lưu trữ dữ liệu

## **MÔI TRƯỜNG**

Mỹ điều tra việc Việt Nam sử dụng gỗ bất hợp pháp từ 2020. Thỏa thuận Gỗ ký năm 2021 cam kết ngừng sử dụng gỗ trái phép và bảo vệ tài nguyên. Mỹ và Việt Nam đã tổ chức các cuộc họp và hội thảo từ 2022-2024, và Mỹ tiếp tục giám sát cam kết này.

## **NHỮNG RÀO CẢN KHÁC**

Mỹ lo ngại về sự thiếu minh bạch và trách nhiệm trong quy trình quản lý của Việt Nam, đặc biệt là do các bộ ngành chống chéo. Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam cải cách và thúc đẩy minh bạch hơn.

## **Thuế xuất khẩu**

Việt Nam áp thuế xuất khẩu từ **1% đến 40%** đối với các sản phẩm chủ yếu từ khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên, như gỗ, than, dầu thô, hóa chất, kim loại, và đá quý theo Nghị định 26/2023/ND-CP.

# THANK YOU!

## Atalink – Giải pháp quản trị chuỗi cung ứng hợp nhất

Tương tác trong – ngoài Doanh nghiệp chỉ cần 1 nền tảng

---

Tải ứng dụng trên điện thoại



Liên hệ

 [www.atalink.com](http://www.atalink.com)

 **1800 555 540**

 [contact@atalink.vn](mailto:contact@atalink.vn)

 Tầng 3, Tòa nhà QTSC 1, Lô 34, Đường số 14, Công viên phần mềm Quang Trung,  
Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam